

Số: 64/KH-UBND

Kim Trà, ngày 09 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục và đào tạo phường Kim Trà giai đoạn 2026 - 2030
và tầm nhìn đến năm 2045

PHẦN I
CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị định số 142/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục;
- Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT ban hành Quy định về KĐCLGD và công nhận đạt CQG đối với trường tiểu học;
- Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT ban hành Quy định về KĐCLGD và công nhận đạt CQG đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về quy định về KĐCLGD và công nhận đạt CQG đối với trường mầm non;
- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non; Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về ban hành Điều lệ trường Tiểu học; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 23/5/2022 hợp nhất các Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT Ban hành Chương trình GDPT;
- Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ GDĐT hợp nhất các Thông tư ban hành Chương trình GDMN;
- Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 24/5/2021 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế (khóa XVI) về xây dựng Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) là một trong những trung tâm lớn của cả nước về GDĐT đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết 05-NQ/ĐU ngày 04/8/2025 của Đại hội Đảng bộ phường Kim Trà nhiệm kỳ 2025-2030.

PHẦN II

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHƯỜNG KIM TRÀ

I. Tổng quan về địa lí, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục và đào tạo Phường Kim Trà

Phường Kim Trà, thành phố Huế, được thành lập theo Nghị quyết số 1675/NQ-UBTVQH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường Hương Xuân, phường Hương Chữ và xã Hương Toàn. Việc thành lập phường Kim Trà nhằm tinh gọn bộ máy hành chính, tối ưu hóa nguồn lực và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn.

Phường Kim Trà có diện tích tự nhiên 42,79 km², dân số 36.296 người. Với vị trí chiến lược gần trung tâm thành phố Huế, phường được kỳ vọng trở thành khu vực trọng điểm, kết nối các di sản văn hóa với các dự án đô thị mới, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Là một phần của thành phố nổi tiếng về di sản và văn hóa, Kim Trà tiếp tục duy trì và phát huy các giá trị truyền thống thông qua lễ hội, hoạt động cộng đồng và bảo tồn di tích lịch sử.

Trong những năm qua, tình hình kinh tế – xã hội trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực. Sản xuất phát triển, đời sống người dân ngày càng được cải thiện, cơ sở hạ tầng không ngừng được đầu tư nâng cấp và mở rộng. Văn hóa – xã hội đạt nhiều tiến bộ, an ninh quốc phòng được giữ vững. Trên lĩnh vực giáo dục, hệ thống trường lớp ngày càng được hoàn thiện và mở rộng, chất lượng giáo dục và hiệu quả đào tạo không ngừng nâng cao.

Hiện nay, phường Kim Trà đang được định hướng trở thành trung tâm dịch vụ và du lịch, với các dự án phát triển hạ tầng như khách sạn, nhà hàng, khu mua sắm. Các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng đang được triển khai nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế toàn diện, bền vững.

II. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo phường Kim Trà giai đoạn 2026- 2030

1. Mạng lưới trường, lớp, học sinh

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, sắp xếp và thành lập các phường, xã theo Nghị quyết số 1675/NQ-UBTVQH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, quy mô giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) của phường Kim Trà có nhiều thay đổi đáng kể về số lượng trường, lớp và học sinh.

Theo Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Kim Trà về việc tiếp nhận và thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục trực thuộc UBND phường Kim Trà, trên cơ sở thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, số lượng đơn vị sự nghiệp GD công lập được tiếp nhận và thành lập gồm 13 trường (03 trường Mầm non, 07 trường Tiểu học, 03 trường THCS).

Tình hình huy động trẻ đến trường và quy mô học sinh các cấp học năm học 2025–2026 (*Phụ lục 1*).

1.1. Giáo dục mầm non

Trên địa bàn phường Kim Trà (Hương Xuân, Hương Toàn và Hương Chũ), tổng số trẻ trong độ tuổi mẫu giáo (3-5 tuổi) là 1.297 cháu, trong đó có 394 cháu 3 tuổi, 440 cháu 4 tuổi và 463 cháu 5 tuổi. Toàn bộ 463 cháu 5 tuổi đã được huy động đến lớp, đạt tỷ lệ 100%, đảm bảo hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tính chung, tổng số cháu mẫu giáo được huy động là 1.231 cháu, đạt tỷ lệ 95% so với tổng dân số độ tuổi. Về số lớp, hiện có 40 lớp mẫu giáo đang hoạt động trên toàn địa bàn.

Trong đó, trường Hương Xuân có 13 lớp với 353 cháu, huy động đạt 100%; Hương Toàn có 14 lớp với 451 cháu (trong đó 177 cháu 5 tuổi), đạt 95%; Hương Chũ có 13 lớp với 427 cháu, đạt 91%. Một số cháu mẫu giáo học tại các nhóm trẻ độc lập ngoài địa bàn, cụ thể như Hương Xuân có 19 cháu học ngoài, Hương Toàn có 15 cháu nhà trẻ, 55 cháu mẫu giáo và 20 cháu 5 tuổi đang học tại các nhóm lớp độc lập.

Toàn địa bàn hiện có 04 nhóm trẻ ngoài công lập, bao gồm: nhóm trẻ Hoa Mặt Trời (Hương Xuân), nhóm trẻ Dương Sơn (Hương Toàn), và hai nhóm trẻ Hoa Bé Ngoan và Mẹ Yêu Con (Hương Chũ), góp phần chia sẻ áp lực cho hệ thống công lập.

Về trẻ nhà trẻ (0-2 tuổi), tổng dân số trong độ tuổi là 1.019 cháu, trong đó có 287 cháu 0 tuổi, 335 cháu 1 tuổi và 397 cháu 2 tuổi. Tổng số trẻ được huy động đến nhóm lớp là 434 cháu, đạt tỷ lệ 42,59%. Cụ thể, Hương Xuân huy động được 119 cháu (54,34%), Hương Toàn là 140 cháu (44,03%) và Hương Chũ là 175 cháu (36,31%). Tổng số nhóm trẻ nhà trẻ là 13 nhóm, cơ bản đáp ứng được nhu cầu chăm sóc trẻ nhỏ trên địa bàn.

1.2. Giáo dục tiểu học

Toàn phường có 07 trường tiểu học, với tổng số 85 lớp và 2.538 học sinh. Mỗi khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5 đều có 17 lớp, cho thấy sự phân bố đồng đều giữa các khối. Trong đó, Trường Tiểu học Số 2 Hương Toàn có quy mô lớn nhất với 15 lớp và 547 học sinh. Trường Tiểu học Số 1 Hương Chũ cũng có 15 lớp với 510 học sinh.

Một số trường có quy mô vừa phải như: Tiểu học Số 2 Hương Xuân với 470 học sinh, Tiểu học Số 1 Hương Toàn (228 học sinh), Tiểu học Số 3 Hương Toàn (229 học sinh) và Tiểu học Số 2 Hương Chũ (319 học sinh). Các khối lớp có quy mô học sinh khá đồng đều, dao động từ 471 đến 539 học sinh mỗi khối, góp phần đảm bảo điều kiện dạy học ổn định, không quá tải.

1.3. Giáo dục trung học cơ sở

Cấp trung học cơ sở gồm 03 trường với tổng số 52 lớp và 2.028 học sinh. Trong đó, Trường Nguyễn Xuân Thường là trường có quy mô lớn nhất với 22 lớp và 849 học sinh, bình quân khoảng 38,59 học sinh/lớp. Trường Lê Quang Tiến có 17 lớp với 673 học sinh, bình quân 39,59 học sinh/lớp. Trường Nguyễn Khánh Toàn có 13 lớp, tổng số học sinh là 506, với bình quân 38,92 học sinh/lớp. Các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9 được phân chia tương đối đồng đều, đảm bảo điều kiện dạy học, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên hiện có.

2. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tại các trường trên địa bàn phường Kim Trà cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

Giáo dục mầm non: Hệ thống phòng nuôi dưỡng đảm bảo mỗi lớp một phòng; tuy nhiên, các phòng phục vụ học tập và phòng hành chính chưa đáp ứng đầy đủ. Thiết bị dạy học tối thiểu được trang bị đạt 100% theo yêu cầu; các thiết bị khác như thiết bị dùng chung, thiết bị ngoài trời, máy tính, âm thanh... cơ bản đáp ứng nhu cầu.

Giáo dục tiểu học: Tổng số 85 phòng học cho 85 lớp đảm bảo 100% sĩ số học sinh được học 2 buổi/ngày. Có 23 phòng bộ môn, gồm 7 phòng Tin học (đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học và ứng dụng CNTT); các phòng học khác được ghép công năng linh hoạt gồm: 4 phòng Mỹ thuật, 3 phòng Âm nhạc, 3 phòng Khoa học – Công nghệ, 3 phòng Ngoại ngữ, 1 phòng Lab, 3 phòng Đa chức năng. Các công trình phụ trợ như nhà ăn, khu vệ sinh, khu vui chơi, sân thể thao... cơ bản đảm bảo, song vẫn còn một số công trình bán kiên cố cần nâng cấp. Thiết bị dạy học tối thiểu và thiết bị thể chất, bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi đều đạt yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018.

Giáo dục THCS: Có 52 phòng học cho 52 lớp, trong đó 12 phòng còn bán kiên cố. Hệ thống phòng bộ môn hiện có 39/72 phòng, tuy nhiên chỉ 5 phòng đạt chuẩn theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT; nhiều phòng được cải tạo từ phòng học thông thường nên chưa đảm bảo quy chuẩn. Phòng phụ trợ còn thiếu; phòng hành chính có 56 phòng, nhưng vẫn còn 13 phòng bán kiên cố, chỉ đạt khoảng 23,2% nhu cầu sử dụng. Các hạng mục phụ trợ như sân chơi, nhà vệ sinh, sân thể thao... bước đầu đáp ứng nhu cầu, nhưng vẫn còn một số công trình tạm, chưa đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên. Thiết bị dạy học tối thiểu cơ bản được trang bị đầy đủ.

3. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên

Về nguồn nhân lực, theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND thị xã Hương Trà về việc chuyển giao viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, tổng số người làm việc tại các đơn vị GD công lập thuộc UBND phường Kim Trà quản lý từ ngày 01/7/2025 là: Viên chức: 424 người; Hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 16 người; Số lượng người làm việc có mặt đến 30/6/2025: 423 viên chức và 16 lao động hợp đồng.

Ở cấp mầm non, ba trường Hương Xuân, Hương Chữ và Hương Toàn đều được giao đủ biên chế từ 43 đến 47 người, trong đó mỗi trường có 3 cán bộ quản lý, trên 38 giáo viên và từ 1 đến 2 nhân viên. Ở cấp tiểu học, các trường có quy mô biên chế dao động từ 20 đến 28 người; phần lớn có 2 cán bộ quản lý, từ 15 đến 24 giáo viên và 3 nhân viên phục vụ. Riêng Trường Tiểu học số 1 Hương Chữ hiện còn thiếu 1 biên chế so với chỉ tiêu được giao.

Khối trung học cơ sở có số lượng biên chế lớn hơn, dao động từ 34 đến 48 người mỗi trường. Trong đó, Trường THCS Nguyễn Xuân Thuởng là đơn vị có số lượng biên chế cao nhất với 48 người (gồm 2 quản lý, 40 giáo viên và 6 nhân viên). Các trường THCS còn lại đều đảm bảo đủ biên chế theo phân bổ.

Toàn ngành đã được bố trí nhân sự cơ bản đầy đủ, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học; đồng thời, việc tuyển dụng hợp đồng theo Nghị định 111 được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng số lượng và vị trí việc làm (*Phụ lục 2*).

4. Chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục tại 13 cơ sở giáo dục trên địa bàn phường Kim Trà được Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Hương Trà đánh giá tốt (trước 01/7/2025). Ở cấp mầm non, 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, theo dõi biểu đồ tăng trưởng đúng quy định, tỷ lệ trẻ phát triển bình thường cao, suy dinh dưỡng thấp. Các cấp tiểu học và THCS đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như sự chênh lệch về chất lượng giữa các trường, kỹ năng sống và trải nghiệm thực tế của học sinh chưa cao, năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế còn hạn chế.

Giáo dục mầm non: Các trường mầm non triển khai chương trình giáo dục theo định hướng lấy trẻ làm trung tâm, lồng ghép hiệu quả các nội dung về kỹ năng sống, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai... Công tác bán trú được duy trì tốt, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường các điều kiện bảo đảm an toàn cho trẻ. 100% trường thực hiện quy định về trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, có hoạt động hướng dẫn kỹ năng PCCC và cứu hộ phù hợp với lứa tuổi.

Giáo dục tiểu học: Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được triển khai đồng bộ và hiệu quả. 100% học sinh lớp 1 và lớp 2 được học môn tiếng Anh tự chọn. Việc đánh giá kết quả học tập thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, đảm bảo khách quan, đúng thực chất. Công nghệ thông tin và thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp.

Hoạt động giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, bảo vệ môi trường, phòng chống đuối nước, quyền và nghĩa vụ của trẻ em, giữ gìn bản sắc văn hóa Huế... được triển khai linh hoạt, đa dạng. Năm học 2024–2025 có 19 học sinh khuyết tật được học hòa nhập tại các trường tiểu học, thực hiện theo kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp mức độ khuyết tật.

Giáo dục trung học cơ sở: Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn tiếp tục duy trì ổn định. Năm học 2024–2025 có 94,98% học sinh đạt hạnh kiểm tốt;

học lực giỏi 32,94%, khá 40,36%, trung bình 26,29%, yếu 0,42%; tỉ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%. Kết quả thi học sinh giỏi cấp thị xã, tỉnh đạt nhiều thành tích.

Các trường chú trọng giáo dục lối sống, phòng chống tệ nạn xã hội, kỹ năng sống, hướng nghiệp và giáo dục nghề phổ thông, đặc biệt với học sinh lớp 8, lớp 9. Công tác kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, góp phần nâng cao động lực học tập. Năm học 2024–2025 có 5 học sinh khuyết tật học hòa nhập được theo dõi và đánh giá theo kế hoạch cá nhân.

5. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia (CQG) luôn được quan tâm. Tính đến tháng 7/2025, toàn phường có 10/13 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 76,9%. Trong đó: Mầm non: 0/3 trường đạt CQG; Tiểu học: 7/7 trường đạt CQG (100%); THCS: 3/3 trường đạt CQG (100%).

Các đơn vị đã triển khai tự đánh giá, đánh giá ngoài theo Thông tư 17, 18, 19/2018/TT-BGDĐT, tuy nhiên, tỷ lệ đạt chuẩn ở cấp mầm non còn thấp so với chỉ tiêu. Các trường đang xây dựng lộ trình, giải pháp cụ thể, đưa vào kế hoạch từng năm học để cải thiện.

Đội ngũ thực hiện công tác KĐCLGD cơ bản đáp ứng yêu cầu; các trường đã tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên và cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của kiểm định và CQG.

6. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, giáo dục nghề nghiệp và phân luồng sau THCS

Đến năm 2025, phường Kim Trà đạt các mức độ phổ cập và xóa mù chữ như sau:

Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: Đạt

Xóa mù chữ: Mức độ 2

Phổ cập tiểu học: Mức độ 3

Phổ cập THCS: Mức độ 3

Thực hiện hiệu quả Thông tư 33/2021/TT-BGDĐT về chương trình xóa mù chữ. Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) từng bước đi vào nề nếp, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

Công tác hướng nghiệp và phân luồng sau THCS được quan tâm. Học sinh được giới thiệu tham gia các lớp nghề tại Trung tâm GDNN-GDTX Hương trà. Chất lượng tư vấn hướng nghiệp đã có chuyển biến tích cực.

7. Nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) tại các trường học đã được khuyến khích thông qua các hình thức: viết sáng kiến kinh nghiệm, hướng dẫn học sinh tham gia các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật, ...

Tuy nhiên, hoạt động NCKH của học sinh còn mang tính thời vụ, thiếu tính chủ động và chưa đạt chiều sâu; hoạt động của giáo viên chưa đáp ứng yêu

cầu chuyên môn cao. Việc kết nối giữa NCKH với đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế còn hạn chế và cần được tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới.

PHẦN III

CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHƯỜNG KIM TRÀ GIAI ĐOẠN 2026-2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2045

I. Cơ hội và thách thức trong bối cảnh hiện nay

1. Cơ hội

Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) phường Kim Trà tiếp tục nhận được sự quan tâm từ các cấp chính quyền, sự chỉ đạo chuyên môn từ Sở GD&ĐT, sự phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành, đoàn thể và sự ủng hộ tích cực từ nhân dân. Sau sáp nhập hành chính, phường có quy mô lớn, đầy đủ các cấp học, là điều kiện thuận lợi để phát triển mạng lưới trường lớp.

Thành phố Huế đang đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có đầu tư cơ sở hạ tầng, mở rộng đô thị, tạo tiền đề thuận lợi cho giáo dục phát triển. Đồng thời, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình chuyển đổi số trong giáo dục mở ra cơ hội đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng quản lý nhà trường và tiếp cận các nguồn học liệu phong phú.

Ngoài ra, phường Kim Trà có truyền thống hiếu học, văn hóa đặc trưng và lợi thế địa lý, là nơi thuận lợi để triển khai các hoạt động giáo dục gắn với văn hóa địa phương và hội nhập quốc tế.

2. Thách thức

Trong bối cảnh mới, ngành giáo dục đối mặt với áp lực đổi mới toàn diện chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy để đáp ứng yêu cầu chất lượng ngày càng cao từ xã hội. Việc thực hiện chính quyền địa phương hai cấp đặt ra yêu cầu rõ ràng hơn về phân cấp quản lý, tăng cường vai trò của phường trong quản lý giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tuy tâm huyết nhưng vẫn còn hạn chế về năng lực thích ứng với đổi mới giáo dục và chuyển đổi số. Cơ sở vật chất ở một số trường học chưa đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, đặc biệt là các phòng học bộ môn, phòng chức năng và thiết bị dạy học theo yêu cầu chương trình GDPT 2018.

Ngoài ra, việc xã hội hóa giáo dục còn gặp khó khăn, nguồn lực đầu tư cho giáo dục chưa đồng đều; nguy cơ ảnh hưởng từ thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu vẫn hiện hữu, tác động đến sự ổn định và phát triển của giáo dục.

3. Hạn chế và nguyên nhân

3.1. Hạn chế

Một số điểm trường mầm non (điểm lẻ) còn thiếu điều kiện đạt chuẩn về cơ sở vật chất; Hệ thống phòng chức năng, sân chơi, bãi tập chưa hoàn thiện; thiết bị dạy học chưa đồng bộ và chưa đáp ứng đủ yêu cầu; Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia còn thấp, nhất là ở cấp mầm non; Đội ngũ giáo viên ở một số trường còn mất cân đối, chất lượng chưa đồng đều; Kỹ năng sống, năng lực ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học, hiểu biết văn hóa địa phương, khả năng hội

nhập của học sinh còn hạn chế; Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS chưa đạt hiệu quả rõ nét.

3.2. Nguyên nhân:

Áp lực học sinh tập trung về các trường trung tâm dẫn đến quá tải cục bộ; sự chênh lệch về điều kiện dạy học giữa các vùng trong phường; Công tác xã hội hóa giáo dục còn hạn chế, chưa huy động hiệu quả nguồn lực từ cộng đồng; Một số chương trình giáo dục còn thiếu môi trường thực hành, trải nghiệm, nhất là đối với ngoại ngữ, kỹ năng sống và giáo dục nghề nghiệp; Công tác hướng nghiệp và đào tạo nghề tại trung tâm GDNN-GDTX còn gặp khó khăn về phương pháp triển khai và phối hợp với gia đình.

II. Quan điểm đề xuất các giải pháp

1. Tiếp tục quán triệt quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu

Tăng cường nhận thức và hành động thống nhất trong toàn hệ thống chính trị về vai trò của giáo dục – đào tạo trong sự phát triển bền vững. Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Tăng cường đầu tư và huy động nguồn lực phát triển giáo dục

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư; ưu tiên bố trí ngân sách và thu hút tài trợ để nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018. Ưu tiên đầu tư cho các trường còn khó khăn, đảm bảo công bằng trong thụ hưởng giáo dục (*Phụ lục 3*).

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm, năng lực chuyển đổi số, quản trị trường học cho giáo viên, cán bộ quản lý. Khuyến khích nghiên cứu khoa học sư phạm, đổi mới sáng tạo trong dạy học.

4. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giảng dạy và quản lý. Tăng cường dạy học tích cực, dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng toàn diện, phát huy năng lực cá nhân.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Phát triển hài hòa giữa trí tuệ, đạo đức, kỹ năng sống và thể chất. Tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục môi trường, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, bảo vệ văn hóa Huế và truyền thống địa phương.

6. Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp và phân luồng sau THCS

Tăng cường liên kết với trung tâm GDNN-GDTX và các cơ sở dạy nghề nhằm tạo điều kiện cho học sinh vừa học văn hóa vừa học nghề. Nâng cao hiệu

quả công tác tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường, gắn với nhu cầu thị trường lao động.

7. Tăng cường quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành

Phân định rõ trách nhiệm quản lý giáo dục giữa cấp thành phố và cấp phường trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong công tác giáo dục.

III. Mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo phường Kim Trà

1. Mục tiêu chung

Xây dựng mạng lưới trường lớp từ cấp học mầm non đến phổ thông phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, hội nhập quốc tế đảm bảo công bằng trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mọi người dân. Phát triển toàn diện học sinh, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL trong việc đáp ứng đổi mới toàn diện giáo dục phường có hiệu quả. Xây dựng GDĐT phường Kim Trà xứng đáng với vị trí, mục tiêu Kim Trà sẽ trở thành một trong những khu vực trọng điểm, kết nối các khu vực di sản văn hóa với các dự án đô thị mới, góp phần nâng cao chất lượng sống cho người dân.

Đổi mới GDĐT phường Kim Trà theo hướng xây dựng trường học hạnh phúc; đẩy mạnh giáo dục văn hóa Huế; tăng cường ngoại ngữ, chuyển đổi số, hướng đến các giá trị cốt lõi nhân văn, bản sắc và hội nhập.

Định hướng trở thành trung tâm dịch vụ và du lịch, với các dự án phát triển hạ tầng như khách sạn, nhà hàng, khu mua sắm. Các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng đang được triển khai nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế toàn diện, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể từ năm 2026 đến 2030 và tầm nhìn đến năm 2045

1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Chất lượng giáo dục

Giáo dục mầm non: Giữ ổn định 03 trường mầm non công lập; mở rộng nhóm trẻ ngoài công lập để đáp ứng nhu cầu; Huy động trẻ nhà trẻ đạt 44,25%, mẫu giáo đạt 99,12%, trong đó mẫu giáo 5 tuổi đạt 100%; 100% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn; Tăng cường chăm sóc sức khỏe, hạn chế suy dinh dưỡng và thừa cân; chú trọng phát triển kỹ năng xã hội, cảm xúc và giáo dục văn hóa Huế cho trẻ.

Giáo dục tiểu học: Giữ nguyên 07 trường tiểu học với 85 lớp, duy trì 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% học sinh được học 2 buổi/ngày, hoàn thành chương trình tiểu học, chuyển cấp THCS; học sinh khuyết tật được học hòa nhập theo kế hoạch cá nhân; 100% trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có ít nhất 2 trường đạt chuẩn mức độ 2; 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn, ít nhất 15% trên chuẩn; học sinh được giáo dục văn hóa Huế, phát triển hài hòa phẩm chất và năng lực theo CTGDPT 2018.

Giáo dục THCS; Giữ nguyên 03 trường THCS với 52 lớp; 100% học sinh lớp 5 vào lớp 6; Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình THCS đạt 98%; ít nhất 35% được học 2 buổi/ngày; 100% trường đạt chuẩn quốc gia; trên 15% CBQL, giáo viên đạt trình độ trên chuẩn; Học sinh được phát triển toàn diện về kỹ năng, phẩm chất và hội nhập quốc tế.

b) Cơ sở vật chất – thiết bị dạy học

Quy hoạch mạng lưới trường lớp theo hướng tinh gọn, giảm điểm lẻ, đảm bảo diện tích, tiện nghi và an toàn.

Phấn đấu đến năm 2030: 100% trường học đạt chuẩn quốc gia, đầu tư đồng bộ phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học theo yêu cầu CTGDPT 2018.

100% trường phổ thông có kết nối Internet ổn định, triển khai hiệu quả học liệu số, đổi mới phương pháp dạy học.

100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày; 35% học sinh THCS được học 2 buổi/ngày.

Ưu tiên đầu tư các phòng học bộ môn, thư viện điện tử, phòng Lab, phòng khoa học công nghệ trong các trường phổ thông.

Phát triển mô hình “trường học xanh, an toàn, hạnh phúc”, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục để huy động nguồn lực đầu tư. *(Phụ lục 1)*

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng hệ thống giáo dục hiện đại, nhân văn, hội nhập quốc tế, gắn với bản sắc Huế.

Phát triển mạnh các mô hình trường học thông minh, trường học xanh, trường học hạnh phúc.

Hoàn thiện hệ sinh thái số trong giáo dục: số hóa quản lý, học liệu và đánh giá.

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ đô thị di sản thành phố Huế.

Đảm bảo mọi trẻ em đều được tiếp cận giáo dục chất lượng, phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và kỹ năng.

IV. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển bền vững. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong triển khai chương trình GDPT 2018, chuyển đổi số, giáo dục toàn diện.

Lồng ghép nhiệm vụ giáo dục vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phường; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phát triển trường học đạt chuẩn quốc gia, trường học thông minh, trường học hạnh phúc.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng và đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý về vai trò đổi mới giáo dục, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa Huế.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; huy động nguồn lực từ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài địa phương để đầu tư cho giáo dục, đặc biệt là cơ sở vật chất và thiết bị dạy học hiện đại.

2. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

Điều chỉnh tổ chức, phân cấp quản lý phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa UBND phường và các cơ sở giáo dục theo Nghị định 142/2025/NĐ-CP.

Thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ tại các trường học, đặc biệt trong chuyên môn, nhân sự và tài chính, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát công khai minh bạch.

Chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục, tăng cường áp dụng chuyển đổi số trong quản lý, giảm giấy tờ, tăng hiệu suất công việc.

Phát huy vai trò của Hội đồng trường, phụ huynh và cộng đồng trong giám sát, góp ý, xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, lành mạnh.

3. Phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ CBQL và GV theo chuẩn nghề nghiệp, trọng tâm là năng lực thực hiện chương trình GDPT 2018, kỹ năng chuyển đổi số và tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Khuyến khích đổi mới phương pháp dạy học, phát triển văn hóa đọc, tăng cường ứng dụng CNTT, AI, công nghệ tương tác trong giảng dạy.

Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm và phát triển mô hình học tập sáng tạo trong nhà trường.

4. Quy hoạch mạng lưới trường, lớp học phù hợp và bền vững

Sắp xếp hợp lý mạng lưới trường lớp theo hướng tinh gọn, hiện đại, giảm điểm lẻ, phù hợp quy mô dân số và điều kiện địa phương.

Ưu tiên bố trí quỹ đất dành cho giáo dục, tạo điều kiện mở rộng trường lớp, xây dựng trường học xanh, thân thiện, an toàn.

Khuyến khích phát triển các nhóm lớp mầm non tư thục, mô hình trường chất lượng cao ở những nơi có điều kiện kinh tế – xã hội thuận lợi.

5. Tăng cường quản lý nhà nước và phát huy vai trò lãnh đạo của địa phương

Tiếp tục quán triệt sâu sắc chủ trương “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Cập nhật và thực hiện đúng các quy định mới về phân cấp quản lý giáo dục theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của UBND phường trong công tác quản lý giáo dục địa bàn.

Tăng cường vai trò của hội đồng trường, hiệu trưởng, phát huy dân chủ cơ sở, đẩy mạnh tự chủ về chuyên môn, tài chính, nhân sự tại các cơ sở giáo dục.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, thực hiện cải cách thủ tục hành chính, sử dụng hiệu quả dữ liệu số, công thông tin điện tử, phần mềm quản lý giáo dục.

6. Bảo đảm cơ sở vật chất, tài chính và thiết bị dạy học

Ưu tiên ngân sách địa phương và huy động nguồn xã hội hóa để đầu tư phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, trường học xanh – thông minh – hạnh phúc.

Đầu tư xây mới và sửa chữa phòng học, nhà vệ sinh, phòng bộ môn, nhà đa năng, bếp ăn, sân chơi; từng bước hiện đại hóa thiết bị dạy học theo hướng số hóa và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình.

Tăng cường hệ thống mạng internet tốc độ cao, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý.

Thiết lập quy chế sử dụng, bảo quản và khai thác cơ sở vật chất, thiết bị hiệu quả; tổ chức đào tạo bồi dưỡng kỹ năng sử dụng cho giáo viên và nhân viên chuyên trách.

7. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

Rà soát, sắp xếp, luân chuyển, tuyển dụng đội ngũ phù hợp theo chương trình mới; xây dựng kế hoạch vị trí việc làm sát thực tiễn.

Tổ chức đánh giá đội ngũ theo chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng; tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học, năng lực số và giáo dục hội nhập.

8. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục

Triển khai hiệu quả CTGDPT 2018 ở tiểu học và THCS; tích hợp giáo dục kỹ năng sống, cảm xúc xã hội, giáo dục văn hóa Huế, môi trường và phát triển bền vững.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh; tăng cường ứng dụng CNTT và học liệu số trong dạy học.

Phát triển giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật theo hướng nhân văn, linh hoạt, phù hợp khả năng cá nhân.

Đẩy mạnh thực hiện “Trường học hạnh phúc”, xây dựng văn hóa nhà trường tích cực, an toàn, không bạo lực học đường.

9. Phát triển giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên

Tổ chức tư vấn hướng nghiệp, định hướng phân luồng sau THCS hiệu quả, đa dạng hóa hình thức tư vấn phù hợp tâm lý lứa tuổi.

Tăng cường liên kết với doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề, hỗ trợ học sinh lựa chọn đúng hướng học tập – nghề nghiệp.

Triển khai kế hoạch xây dựng xã hội học tập đến 2030, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi đối tượng, không phân biệt vùng miền, độ tuổi.

10. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế

Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) trong giáo viên, học sinh nhằm phát triển tư duy sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh xây dựng môi trường học thuật trong các cơ sở giáo dục,

khuyến khích giáo viên, học sinh tham gia các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ trong dạy và học.

Thiết lập cơ chế hỗ trợ, khuyến khích nhà giáo và học sinh thực hiện các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao, gắn với đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục trải nghiệm, văn hóa Huế và chuyển đổi số. Ưu tiên các đề tài mang tính thực tiễn, liên quan đến việc xây dựng mô hình “Trường học hạnh phúc”, giáo dục môi trường và phát triển bền vững.

Tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước để triển khai các dự án nghiên cứu, trao đổi chuyên môn, tập huấn nghiệp vụ. Khuyến khích xây dựng các nhóm nghiên cứu nhỏ tại trường học, có sự tham gia của giáo viên trẻ, chuyên gia và phụ huynh, để tạo nền tảng cho việc phát triển năng lực nghiên cứu và hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh việc ký kết và thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế trong giáo dục. Lồng ghép nội dung hội nhập vào các hoạt động ngoại khóa, giao lưu văn hóa, học tập trực tuyến với trường học ở các quốc gia khác. Hỗ trợ các cơ sở giáo dục xây dựng, vận hành các dự án giáo dục kết nối quốc tế thông qua nền tảng công nghệ số và mạng lưới giáo dục toàn cầu.

V. Lộ trình thực hiện kế hoạch

1. Năm học 2025–2026

Dự báo quy mô phát triển giáo dục, rà soát, quy hoạch lại mạng lưới trường lớp phù hợp với tình hình thực tế sau sáp nhập.

Đảm bảo cơ sở vật chất (CSVCh), thiết bị dạy học (TBDH) đạt chuẩn để triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018.

Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, đặc biệt về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và chuyển đổi số.

Tăng cường tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống và giáo dục văn hóa Huế trong chương trình giảng dạy các cấp học.

Khuyến khích triển khai dạy tiếng Anh tăng cường, ưu tiên bậc tiểu học và THCS; kết nối các nguồn lực để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh.

Bước đầu thực hiện chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, số hóa hồ sơ, ứng dụng phần mềm điều hành, học liệu số.

2. Giai đoạn 2026–2030

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ giai đoạn trước, đồng thời mở rộng các nội dung chiến lược:

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong các trường học: áp dụng phần mềm quản lý học sinh, học bạ điện tử, dạy học trực tuyến, đánh giá năng lực bằng công nghệ.

Tăng cường giáo dục hội nhập quốc tế, đưa các nội dung liên quan đến kỹ năng toàn cầu, công dân số, tư duy sáng tạo vào các hoạt động giáo dục.

Thí điểm và nhân rộng mô hình trường học thông minh, trường học hạnh phúc, trường học xanh – an toàn – không rác thải nhựa.

Đầu tư nâng cấp CSVC và TBDH hiện đại, đảm bảo tính đồng bộ, đặc biệt là các phòng học bộ môn, phòng chức năng, thư viện điện tử, phòng STEM.

Huy động hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách, xã hội hóa và các đối tác quốc tế trong đầu tư phát triển giáo dục.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Hoàn thiện hệ sinh thái giáo dục số, xây dựng nền giáo dục mở – linh hoạt – hiện đại, phát triển toàn diện năng lực người học.

Phát triển hệ thống trường học đạt chuẩn quốc gia và từng bước tiếp cận chuẩn quốc tế.

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị di sản và hội nhập quốc tế của thành phố Huế.

Mỗi trường học trở thành trung tâm văn hóa – học tập suốt đời – sáng tạo tại địa phương.

Từng bước khẳng định vị thế giáo dục phường Kim Trà trong hệ thống giáo dục của thành phố Huế và toàn quốc.

VI. Kinh phí thực hiện kế hoạch

1. Nguyên tắc xây dựng dự toán

Dự toán kinh phí được lập trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể của kế hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2025–2026, đảm bảo đúng quy định pháp luật, phù hợp khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Ưu tiên sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước, tập trung vào các mục tiêu trọng điểm như cải thiện cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học và nâng cao chất lượng đội ngũ.

Khuyến khích lồng ghép các nguồn vốn từ xã hội hóa giáo dục, tài trợ, viện trợ không hoàn lại, các chương trình mục tiêu và nguồn hợp pháp khác.

2. Nội dung chi dự toán

Sửa chữa, nâng cấp, xây mới cơ sở vật chất; mua sắm, bổ sung thiết bị dạy học phù hợp với Chương trình GDPT 2018 và yêu cầu chuyển đổi số.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; triển khai mô hình trường học hạnh phúc, trường học thông minh.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục văn hóa Huế, tăng cường năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế cho học sinh.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước cấp qua UBND phường Kim Trà (chiếm vai trò chủ đạo); Nguồn vận động xã hội hóa, tài trợ trong và ngoài nước; Các nguồn hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu, đề án của thành phố Huế (nếu có).

Kế hoạch năm học 2025–2026, giai đoạn 2026- 2030 và đến năm 2045 sẽ được xây dựng chi tiết theo từng danh mục và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Văn hóa-Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành tham mưu cho UBND phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp các cơ quan, ban ngành liên quan tổ chức triển khai, tổng hợp, báo cáo, tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ các nội dung kế hoạch của Kế hoạch này.

- Lập nhu cầu tuyển dụng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên hàng năm, trình UBND phường quyết định.

- Tham mưu UBND phường tổ chức tốt các hoạt động nhân các ngày lễ lớn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa Huế nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức về truyền thống, lòng yêu nước, yêu quê hương, giữ gìn bản sắc văn hóa Huế cho nhân dân, đặc biệt là đối với học sinh.

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của nhân dân về chủ trương phát triển GDĐT.

- Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tranh thủ sự ủng hộ của người dân. Huy động mọi nguồn lực để xây dựng CSVC, môi trường sư phạm, huy động trẻ ra lớp, không để trẻ thất học.

- Phối hợp các phòng, ban liên quan tham mưu UBND phường đầu tư CSVC trường học, thực hiện quy hoạch đất cho giáo dục.

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

- Tham mưu UBND bố trí nguồn vốn triển khai bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, xây dựng CSVC, mua sắm TBDH, thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên của kế hoạch.

- Phối hợp Phòng Văn hóa-Xã hội thực hiện quy hoạch đất tổng thể dành cho GDĐT hàng năm và giai đoạn 2025 - 2030. Tham mưu cho UBND phường trong công tác quản lý quy hoạch đô thị, quản lý đầu tư xây dựng các thiết chế giáo dục trên địa bàn phường .

3. Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn phường Kim Trà

Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung, hoạt động liên quan đến Kế hoạch tại đơn vị. Tích cực, chủ động tham mưu, triển khai các nhiệm vụ theo thẩm quyền.

VIII. Kiến nghị, đề xuất

Lãnh đạo Ban ngành các cấp quan tâm đầu tư hơn nữa về nguồn kinh phí để xây dựng thay thế cơ sở vật chất đã xuống cấp, không đúng quy cách, để thực hiện tốt hơn việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Trên đây, là nội dung Kế hoạch phát triển Giáo dục phường Kim Trà giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2045./

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN phường;
- Các Phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND phường;
- LĐ, CV phụ trách của VP HĐND & UBND phường;
- Các trường TH, THCS trực thuộc;
- Phòng VH-XH;
- Lưu: VT.

[Signature]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Văn Xuân

PHỤ LỤC 1. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH

(Kèm theo Quyết định số: 354/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND thị xã Hương Trà về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển sự nghiệp Giáo dục và đào tạo, năm học 2025-2026 đối với các trường Mầm non, Tiểu học, THCS và Tiểu học & THCS trực thuộc trên địa bàn thị xã Hương Trà.

Mầm non:

TT	Đơn vị mầm non	Cháu mẫu giáo										Trong đó có cháu học ngoài địa bàn, nhóm trẻ độc lập		
		Dân số 3-5 tuổi				Huy động								
		Tổng số	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Lớp	Cháu	% huy động so với độ tuổi	Trong đó: Cháu 5 tuổi			Cháu Nhà trẻ	Cháu Mẫu giáo	Cháu 5 tuổi
									Lớp	Cháu	% huy động so với độ tuổi			
1	Hương Xuân	353	101	119	133	13	353	100	5	133	100%	19		
2	Hương Toàn	473	143	153	177	14	451	95	5	177	100%	15	55	20
3	Hương Chữ	471	150	168	153	13	427	91	5	153	100%	65		
Tổng cộng		1.297	394	440	463	40	1.231	95	15	463	100%	99	55	20

Trong đó có 04 nhóm độc lập: Hương Xuân có 1 nhóm trẻ Hoa Mặt Trời; Hương Toàn có 1 nhóm trẻ Thiên Thần; Hương Chữ có 2 nhóm trẻ Hoa Bé Ngoan, Mẹ Yêu con.

TT	Đơn vị Mầm non	Trẻ nhà trẻ									
		Dân số 0-2 tuổi				Huy động					
		Tổng số	0 Tuổi	1 tuổi	2 tuổi	Nhóm	cháu	% huy động so với độ tuổi	Tổng số		
219	60	73	86	4	119	54,34	353				
318	70	97	151	5	140	44,03	473				
482	157	165	160	4	175	36,31	471				
1.019		287	335	397	13	434	42,59	1.297			

Tiểu học:

TT	Trường	Chia theo khối lớp						Chia theo học sinh					
		Tổng số	L1	L2	L3	L4	L5	Tổng số	L1	L2	L3	L4	L5
1	TH Số 1 Hương Xuân	10	2	2	2	2	2	243	49	42	52	48	52
2	TH Số 2 Hương Xuân	15	3	3	3	3	3	470	90	93	104	100	83
3	TH Số 1 Hương Toàn	10	2	2	2	2	2	228	40	43	50	48	47
4	TH Số 2 Hương Toàn	15	3	3	3	3	3	547	104	107	114	109	113
5	TH Số 3 Hương Toàn	10	2	2	2	2	2	229	41	36	56	43	53
6	TH Số 1 Hương Chữ	15	3	3	3	3	3	510	106	96	98	92	118
7	TH Số 2 Hương Chữ	10	2	2	2	2	2	319	66	54	62	64	73
Tổng cộng		85	17	17	17	17	17	2.546	496	471	536	504	539

Trung học cơ sở:

TT	Tên đơn vị	Số lớp					Số học sinh					
		Tổng số	L6	L7	L8	L9	Tổng số	SL	L7	L8	L9	Bình quân h/s/lớp
1	THCS Nguyễn Khánh Toàn	13	3	3	4	3	502	125	111	143	123	38,61
2	THCS Nguyễn Xuân Thương	22	5	5	6	6	849	191	202	238	218	38,59
3	THCS Lê Quang Tiến	17	4	4	5	4	673	148	157	197	171	39,59
Tổng cộng		52	12	12	15	13	2028	462	473	581	512	39,00

PHỤ LỤC 2. ĐỘI NGŨ CBQL,GV, NV VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

TT	Đơn vị	Số lượng biên chế viên chức được giao	Số lượng biên chế viên chức có mặt	Trong đó			Hợp đồng Nghị định số 111/NĐ-CP	
				Viên chức quản lý	Giáo viên	Nhân viên	Số lượng được giao	Số lượng có mặt
1	Trường Mầm non Hương Xuân	44	44	3	40	1	2	2
2	Trường mầm non Hương Chữ	43	43	3	38	2	2	2
3	Trường mầm non Hương Toàn	47	47	3	42	2	2	2
4	Trường Tiểu học số 1 Hương Xuân	21	21	2	16	3	1	1
5	Trường Tiểu học số 2 Hương Xuân	28	28	2	23	3	1	1
6	Trường Tiểu học số 1 Hương Chữ	28	27	1	23	3	1	1
7	Trường Tiểu học số 2 Hương Chữ	23	23	2	18	3	1	1
8	Trường Tiểu học số 1 Hương Toàn	20	20	2	15	3	1	1
9	Trường Tiểu học số 2 Hương Toàn	28	28	1	24	3	1	1
10	Trường Tiểu học số 3 Hương Toàn	21	21	2	16	3	1	1
11	Trường THCS Nguyễn Khánh Toàn	34	34	2	27	5	1	1
12	Trường THCS Lê Quang Tiến	39	39	2	32	5	1	1
13	Trường THCS Nguyễn Xuân Thưởng	48	48	2	40	6	1	1
Tổng cộng		424	423	27	354	42	16	16

**PHỤ LỤC 3. KẾ HOẠCH PHÂN KỲ ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT
VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC GIAI ĐOẠN 2026–2030**

(Đơn vị: triệu đồng)

Năm	Hạng mục đầu tư trọng điểm	Tổng vốn đầu tư dự kiến
2026	- Xây 4 phòng học điểm Thanh Tiên – MN Hương Xuân (QĐ 1550/QĐ-UBND) - Khu hành chính, nhà bếp, nhà vệ sinh – MN Hương Chữ, Hương Toàn - Xây phòng học, tường rào, khu vệ sinh – TH Số 2 Hương Xuân	21.000
2027	- Nâng cấp phòng bộ môn, sân thể thao – TH Hương Chữ, TH Hương Toàn - Phòng bộ môn, thiết bị – THCS Nguyễn Khánh Toàn - Nhà đa năng, vệ sinh HS – THCS Lê Quang Tiến	23.000
2028	- Hoàn thiện phòng bộ môn tại các trường TH, THCS - Bổ sung thiết bị vận động, TBDH tối thiểu theo CT GDPT 2018	22.000
2029	- Chuẩn hóa cơ sở vật chất các trường công nhận lại CQG, KĐCL - Đầu tư hạng mục còn thiếu cho các trường công nhận lần đầu - Tăng cường đầu tư cho THCS Nguyễn Xuân Thương, TH Số 3 Hương Toàn	25.000
2030	- Hoàn thiện các hạng mục còn lại - Nâng cấp công trình bán kiên cố, đầu tư dự phòng mở rộng quy mô	22.087

**Chi tiết đề xuất CSVC, trang thiết bị trường học của các cơ sở Giáo dục
năm 2025 và giai đoạn 2026-2030.**

TT	Đơn vị	Hạng mục đề xuất đầu tư	Dự toán kinh phí <i>Triệu đồng</i>	Ghi chú
1	Mầm non Hương Xuân	4 phòng học tại điểm trường Thanh Tiên để chuyển 3 lớp mẫu giáo tại điểm trường Thanh Lương 3 đến học, 01 phòng bố trí phòng họp (Đã có Quyết định 1550/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND thị xã Hương Trà về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình nhà 02 tầng 04 phòng học), đã có về khảo sát địa chất nhưng đến nay vẫn chưa có kinh phí thực hiện)	4,958	Công nhận- Đã đánh giá ngoài, chờ khắc phục để công nhận lần đầu
		Tổng dự toán đầu tư	4,958	
2	Mầm Non Hương Chữ	Khu Hành chính-Quản trị (02 phòng phó hiệu trưởng, phòng nhân viên, phòng bảo vệ; phòng thể chất, Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên.	3.300	Công nhận lần đầu lộ trình đến 2030
		Sửa chữa 5 phòng học trường Tiểu học Số 2 Hương Chữ-CS An Đô (để sát nhập điểm trường An Đô và Xóm Rẫy)	600	
		Xây dựng thêm 6 phòng học điểm trường Phường Đông để giảm số lượng trẻ bình quân trên lớp học	6.000	
		Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em (Thư viện)	1.000	
		Khối phòng tổ chức ăn (2 Kho bếp, 1 nhà bếp An Đô)	1.800	
		Khối phụ trợ (phòng họp, nhà kho)	1.500	
		Tổng dự toán đầu tư	14.200	
3	Mầm non Hương Toàn	Khu Hành chính-Quản trị	2.000	Công nhận lần đầu lộ trình đến 2030
		Phòng học (10 phòng)	10.000	
		Thiết bị vận động	100	
		Phòng đa chức năng	1.400	
		Phòng y tế	500	
		Khu vệ sinh GV	800	
		Hệ thống báo cháy tự động (3 cơ sở)	360	
		Bếp ăn (2 nhà)		

			2.000	
		Kho bếp (2 kho)	1.000	
		Nhà kho (2 nhà)	1.000	
		Cổng, tường rào (Cơ sở dự kiến xây mới)	1.500	
		Sân chơi, vườn cây (Cơ sở dự kiến xây mới)	700	
		Tổng dự toán đầu tư	21.360	
4	Tiểu học Số 1 Hương Xuân	Màn hình LED hội trường	150	Mới công nhận lại năm 2024 KĐCL mức độ 2, CQG cấp độ 1. Nhà trường đang xây dựng lộ trình đến năm 2029 là KĐCL mức 4, CQG mức 2 năm 2029
		Bàn ghế phòng vi tính	50	
		Xây tường rào	240	
		Thiết bị vận động	50	
		Cầu môn, lưới	12	
		Mái che ra nhà vệ sinh	50	
		Tổng dự toán đầu tư	552	
5	Tiểu học Số 2 Hương Xuân	Phòng học và Khu Hành chính-Quản trị	8.000	CNLD 2013/Công nhận lại
		Bàn ghế và thiết bị văn phòng	70	
		Xây tường rào	350	
		Sân trường	300	
		Thiết bị vận động	60	
		Cầu môn, lưới	12	
		Khu vệ sinh GV và Học sinh	600	
		Tổng dự toán đầu tư	9.392	
6	Tiểu học Số 1 Hương Chữ	Khối phòng hành chính quản trị : 01 phòng tổ chức đảng, đoàn thể, Khối phòng học tập thiếu: 03 phòng(phòng Âm nhạc, phòng KH-CN, phòng đa chức năng) Khối phòng học bổ trợ: 2 phòng (phòng tư vấn học đường và phòng truyền thống) Khối phụ trợ: 02 phòng giáo viên	6.400	2023 Công nhận lần đầu/ 2028 CNL theo lộ trình nhà trường đã xây dựng).
		Bàn ghế và thiết bị văn phòng	63	
		Khu vui chơi: Nhà đa năng		

7			1.000	
		Thiết bị vận động	50	
		Bãi tập	60	
		sân bóng đá	140	
		Tổng dự toán đầu tư	7.713	
	Tiểu học Số 2 Hương Chữ	Sửa chữa dây nhà 2 tầng (chống thấm, Sơn)	420	Công nhận lần đầu 2013/ Lộ trình CNL tháng 12/2025
		Bàn ghế và thiết bị văn phòng	20	
		Thiết bị vận động	15	
		Khu vệ sinh GV	20	
		Nhà Thể chất ngoài trời	150	
		Bàn ghế và thiết bị văn phòng	63	
		Nâng cấp sân trường (sân phía sau)	500	
		Cầu môn, lưới	12	
		Tổng dự toán đầu tư	1200	
9	Trường Tiểu học Số 2 Hương Toàn	Khu Hành chính-Quản trị: 03 phòng (Văn phòng, Phòng bảo vệ, phòng Kế toán)	1.800	Công nhận lại (năm công nhận lại theo lộ trình 2026).
		Khối phòng học bộ môn: 04 phòng (Âm nhạc-Mỹ thuật; Tin học; Ngoại ngữ; Khoc học-Công nghệ)	3.200	
		Khối phòng phụ trợ: 02 phòng nghỉ GV; nhà vệ sinh HS	1.000	
		Khối phòng hỗ trợ học tập: 02 phòng (Truyền thông và Đối; Tư vấn học đường và hỗ trợ HS khuyết tật)	1.200	
		Nâng cấp, sửa chữa tường thành 100m	250	
		Nâng cấp, sửa chữa sân trường khu B	350	
		Nâng cấp sân tập thể thao	100	
		Sửa và mở rộng nhà xe HS	100	
		Tổng dự toán đầu tư	8.000	
10	Tiểu học Số 3 Hương Toàn	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1.000	Công nhận từ năm 2014, đăng ký công nhận lại giai đoạn 2026- 2030
		Phòng học Âm nhạc	1.000	
		Phòng học Khoa học - Công nghệ	1.000	
		Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1.000	
		Hội đồng	1.000	
		Phòng thiết bị giáo dục	500	
		Phòng truyền thống		

			500	
		Phòng Đa năng	1.000	
		Tổng dự toán đầu tư	7.000	
11	THCS Nguyễn Khánh Toàn	Các phòng học bộ môn (7 phòng) đúng tiêu chuẩn	2.000	Công nhận lại năm 2030 (đúng lộ trình là năm 2020- chậm 10 năm)
		Nhà xe học sinh	100	
		Bổ sung thêm thiết bị văn phòng (máy phô tô)	80	
		Đầu tư hệ thống chữa cháy bên ngoài	25	
		Tổng dự toán đầu tư	2.205	
		Bàn ghế và thiết bị văn phòng	70	
		Xây tường rào	220	
		Thiết bị vận động	50	
		Cầu môn, lưới	20	
		Khu vệ sinh học sinh	400	
		Nhà trực bảo vệ	200	
		Tổng dự toán đầu tư	960	
13	THCS Nguyễn Xuân Trường	Phòng học bộ môn	9.000	Công nhận lần đầu năm 2011, CNLại năm 2023, CNL lần 2 năm 2028
		Nhà đa năng	5.000	
		Nhà đa chức năng	4.000	
		Phòng họp	1.500	
		Xây dựng nhà hiệu bộ	5.000	
		Xây dựng tường rào mặt sau	1.000	
		Nhà vệ sinh học sinh	1.200	
		Xây mới 10 phòng học để đạt chuẩn	10.000	
		Tổng dự toán đầu tư	36.700	
	Tổng cộng	Tổng dự toán đầu tư toàn phường	113.087	